

Số: 10/NQ-HĐND

Tuy Phước Bắc, ngày 31 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao thu chi ngân sách xã Tuy Phước Bắc
năm 2025 sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TUY PHƯỚC BẮC
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quyết định dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 28/7/2025 của UBND xã về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Tuy Phước Bắc sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã; Báo cáo thẩm tra số 02/BC-BKTNS ngày 29/7/2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách xã về việc thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND xã về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Tuy Phước Bắc sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Công nhận và thống nhất giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 xã Tuy Phước Bắc sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc xác định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Gia Lai (mới), đối với dự toán ngân sách xã, phường: Giữ nguyên dự toán thu, chi ngân sách xã, phường sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã được HĐND 2 tỉnh Bình Định và Gia Lai (cũ) quyết nghị. Đồng thời, khẩn trương rà soát, tổng hợp trình cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định.

2. Về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 xã Tuy Phước Bắc

- Tổng thu NSNN phát sinh trên địa bàn là 149.220 triệu đồng;
- Tổng thu ngân sách địa phương là 138.466 triệu đồng;
- Tổng chi ngân sách địa phương là 138.466 triệu đồng.

(Phụ lục chi tiết kèm theo nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

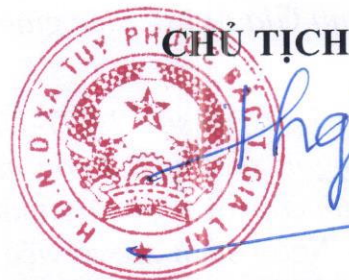
1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này và các Nghị quyết quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp xã năm 2025 đã được Hội đồng nhân dân xã Phước Hiệp, xã Phước Hưng, xã Phước Quang (trước sắp xếp) ban hành để giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị theo đúng nguyên tắc đã nêu tại Điều 1.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tuy Phước Bắc khóa I, kỳ họp thứ 2, thông qua ngày 31/7/2025 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được thông qua. /

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (b/c);
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- TT. HĐND, UBND xã;
- Các Ban HĐND, Đại biểu HĐND xã;
- UBMTTQVN xã và các đoàn thể xã;
- Lưu: VT, hồ sơ kỳ họp.



Huỳnh Thị Thanh Nguyệt



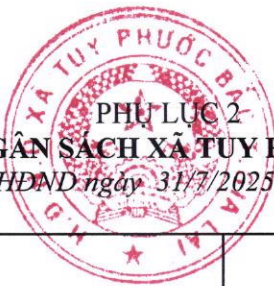
PHỤ LỤC 1: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của HĐND xã Tuy Phước Bắc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025
I	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	149.220
II	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	138.466
1	Các khoản thu cân đối ngân sách địa phương	4.285
2	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương	
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	134.181
II	TỔNG CHI NGÂN SÁCH	138.466
1	Chi đầu tư phát triển	42.501
2	Chi thường xuyên	83.852
	Trong đó:	
-	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	53.904
-	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ	
3	Dự phòng chi	533
4	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	
5.	Chi từ nguồn ngân sách tỉnh bổ sung mục tiêu	11.580
		

Ưm



PHỤ LỤC 2

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ TUY PHƯỚC BẮC NĂM 2025

(Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của HĐND xã Tuy Phước Bắc)

ĐVT: triệu đồng

TT	NỘI DUNG	Thu NSNN	Thu ngân sách xã	Ghi chú
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	149.220	138.466	0
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn giao cho xã	15.039	4.285	
1	Thuế thu từ lĩnh vực NQD	11.950	1.196	
	- Thuế Giá trị gia tăng	9.919	993	
	- Thuế Thu nhập DN	2.031	203	
	- Thuế tài nguyên	0		
2	Lệ phí trước bạ	355	355	
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	74	74	
4	Thuế thu nhập cá nhân			
5	Tiền sử dụng đất			
6	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước thu tiền hàng năm	0		
7	Thu phí và lệ phí	278	278	
	Trong đó:			
	- Thu phí môn bài	108	108	
	- Phí khác	170	170	
6	Thu khác ngân sách xã	2.382	2.382	
	Trong đó: Thu từ quỹ đất công ích	2.100	2.100	
II	Thu trợ cấp ngân sách cấp trên	134.181	134.181	
1	Bổ sung cân đối	22.613	22.613	
2	Bổ sung mục tiêu	11.580	11.580	
3	Bổ sung mục tiêu đưa vào giao chỉ đầu tư và chi thường xuyên	99.988	99.988	

PHU LỤC 3
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025
CÁC PHÒNG BAN, ĐƠN VỊ THUỘC XÃ TUY PHƯỚC BẮC
 (Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của HĐND xã Tuy Phước Bắc)

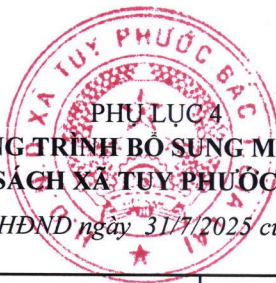
TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Đã chi đến 30/6/2025			Dự toán còn lại 06 tháng cuối năm	Ghi chú
		Số lượng CB, CCVC và KCT)	Dự toán kinh phí chi năm 2025 (triệu)	Xã Phước Hưng	Xã Phước Quang	Xã Phước Hiệp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG		138.466	4.354	4.586	4.056	125.470	
I	Nguồn vốn đầu tư		42.501				42.501	PL 4
1	Nguồn vốn tính bổ sung mục tiêu (từ tiền đất)		42.501				42.501	
II	Kinh phí mục tiêu tính		11.580	0	0	0	11.580	
1	Thu gom rác thải (Phòng Kinh tế)		2.300				2.300	
2	Bảo trợ xã hội theo ND 76/2024 và phần tăng thêm 180,000 đồng theo NQ số 11/2024 (Phòng Văn hóa và xã hội)		9.280				9.280	
III	Chi thường xuyên	552	83.852	4.354	4.586	4.056	70.856	
1	Số chi 6 tháng đầu năm của 3 xã (Phước Hưng, Phước Quang, Phước Hiệp)		12.996	4.354	4.586	4.056		
2	Sự nghiệp		1.312	0	0	0	1.312	
	Chi kiến thiết thị chính		311				311	
	Tiền điện hộ nghèo		96				96	
	Thủy lợi phí (các HTX trên địa bàn)		315				315	
	Đại hội Đảng bộ xã		590				590	
3	Sự nghiệp giáo dục và Đào tạo	393	53.904	0	0	0	53.904	
3.1	Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, hoạt động, quỹ thưởng		46.355				46.355	
a	Khối Mầm non	84	7.614	0	0	0	7.614	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		6.038				6.038	
	- Hoạt động		900				900	
	- Quỹ thưởng		676				676	
b	Khối Tiểu học	174	22.134				22.134	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		17.623				17.623	
	- Hoạt động		2.627				2.627	
	- Quỹ thưởng		1.884				1.884	
c	Khối Trung học cơ sở	135	16.607	0	0	0	16.607	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp		13.146				13.146	
	- Hoạt động		1.964				1.964	
	- Quỹ thưởng		1.497				1.497	
3.2	Kinh phí chi có mục tiêu		2.486				2.486	
	+ Chi mua sắm trang thiết bị dạy học theo CTGDPT mới và bổ sung thay thế thiết bị dạy học , Bảo dưỡng, bảo trì CSV; kinh phí vận hành các bể bơi trong trường học		2.002				2.002	
	+ Hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí; Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3,4,5 tuổi		300				300	
	+ Trung tâm học tập cộng đồng xã, thị trấn		84				84	
	+ Chính sách nâng cao trình độ chuẩn giáo viên		100				100	
3.3	Kinh phí hoạt động tập trung ngành giáo dục trên địa bàn xã (Phòng Văn hóa và Xã Hội)		200				200	
3.4	Chi khen thưởng cho sự nghiệp giáo dục trên địa bàn xã		300				300	
3.5	Kinh phí chờ phân bổ (tăng lương định mức và các chế độ chính sách mới của sự nghiệp giáo dục),		3.413				3.413	
3.6	Chi đào tạo cán bộ, công chức, viên chức thuộc xã quản lý (khi có cấp thẩm quyền quyết định)		1.150				1.150	
4	Chi Hành chính	111	11.087	0	0	0	11.087	
4.1	Văn phòng HĐND&UBND xã	21	6.432				6.432	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	18	1.368				1.368	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	3	99				99	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		182				182	
	- Kinh phí hoạt động		185				185	
	- Kinh phí cán bộ thôn, lực lượng ANTT, QL dê nhân dân, Quân sự, dân quân tự vệ, thú y xã, kinh phí cho 04 hội đặc thù...		4.046				4.046	
	- Kinh phí chi có mục tiêu		552				552	
	+ Chi phụ cấp HĐND (87 người)		366				366	
	+ Chi kinh phí hoạt động , họp HĐND và UBND xã; công tác xử lý đơn thư, giải quyết tố cáo, khiếu nại định kỳ và đột xuất của UBND xã , kinh phí hoạt động của trang thông tin điện tử xã,....		120				120	

Thư

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Đã chi đến 30/6/2025			Dự toán còn lại 06 tháng cuối năm	Ghi chú
		Số lượng CB, CCVC và KCT)	Dự toán kinh phí chi năm 2025 (triệu)	Xã Phước Hưng	Xã Phước Quang	Xã Phước Hiệp		
	+ Kinh phí tổ hòa giải cơ sở		26				26	
	+ Kinh phí bảo vệ, tạp vụ (02 người)		40				40	
4.2	Phòng Văn hóa và Xã hội	17	2.180				2.180	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	12	894				894	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp viên chức	3	204				204	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	2	66				66	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức, viên chức		151				151	
	- Kinh phí hoạt động		152				152	
	- Kinh phí chi có mục tiêu		714				714	
	+ Hợp đồng Bưu điện chi trả bảo trợ		18				18	
	+ Hiến máu tình nguyện		30				30	
	+ Lĩnh vực Thể dục thể thao, Đài truyền thanh, Văn hóa- Thông tin - Thể thao; Tuyên truyền trực quan, kinh phí quảng trang.....		200				200	
	+ Lĩnh vực Thi đua khen thưởng của xã năm 2025 (CBCC xã)		100				100	
	+ Lĩnh vực Tôn giáo và tín ngưỡng, Bình đẳng giới		30				30	
	+ Lĩnh vực Hoạt động phong trào TĐKKXDĐSVH (6tr thôn)		156				156	
	+ Lĩnh vực Đảm bảo xã hội trên địa bàn xã (trong đó hưu xã 42 triệu đồng)		180				180	
4.3	Phòng Kinh tế	18	1.824				1.824	
a	Kinh phí hoạt động đơn vị	18	1.634				1.634	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	14	1.018				1.018	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	4	128				128	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		139				139	
	- Kinh phí hoạt động		149				149	
	- Kinh phí chi có mục tiêu		200				200	
	Chi công tác lập dự toán, quyết toán năm và kiểm tra phí BV MT, đóng góp XD CSHT khai thác khoáng sản, điều tra thống kê trên địa bàn xã, Chi công tác phòng chống thiên tai, Chi hỗ trợ hoạt động kiểm tra, giám sát, lập hồ sơ Chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP và liên kết sản xuất, ...		150				150	
	Kinh phí phục vụ mua phối ĐKKD, Cấp QSDĐ, đặt in phiếu thu rác, biên lai thu, chi của xã.....		50				50	
b	Kinh phí UBND xã Tuy Phước Bắc quản lý		190				190	
	Chi mua sắm tài sản trang bị các cơ quan huyện, sửa chữa vật tư trong khi thực hiện quá trình sáp nhập mô hình chính quyền 02 cấp (chi khi có chủ trương của UBND xã)		190				190	
4.4	Trung tâm hành chính công	7	651				651	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	6	419				419	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	1	29				29	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		57				57	
	- Kinh phí hoạt động		62				62	
	- Kinh phí chi có mục tiêu		84				84	
	+ Hợp đồng nhân viên Bưu điện (chi theo thực tế)		60				60	
	+ Hợp đồng nhân viên bảo trì (chi theo thực tế)		24				24	
5	Đảng, Đoàn thể	48	3.892	0	0	0	3.892	
5.1	Chi khối Đảng	26	2.434	0	0	0	2.434	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	19	1.450				1.450	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	7	220				220	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		188				188	
	- Kinh phí hoạt động		206				206	
	- Kinh phí chi có mục tiêu	0	370				370	
	Chi phụ cấp ủy Đảng bộ xã, Đảng bộ, chi bộ cơ sở (38 người)		160				160	
	Kinh phí hoạt động chung của Đảng ủy; chi hoạt động xử lý đơn thư, giải quyết tố cáo, khiếu nại định kỳ và đột xuất, xăng xe ô tô dùng chung....		120				120	
	Kinh phí thuê tạp vụ, bảo vệ, lái xe (03 người)		90				90	
5.2	Chi khối Đoàn thể	22	1.458	0	0	0	1.458	
a	Ủy ban MTTQVN xã	5	386	0	0	0	386	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	2	162				162	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	3	99				99	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		21				21	
	- Kinh phí hoạt động		29				29	
	- Kinh phí mục tiêu		75	0	0	0	75	
	Chi kinh phí UBMTTQVN- cuộc vận động toàn dân đoàn kết XD đời sống văn hóa		60				60	
	Kinh phí giám sát cộng đồng		15				15	

Thư

TT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Đã chi đến 30/6/2025			Dự toán còn lại 06 tháng cuối năm	Ghi chú
		Số lượng CB,CCVC và KCT)	Dự toán kinh phí chi năm 2025 (triệu)	Xã Phước Hưng	Xã Phước Quang	Xã Phước Hiệp		
b	Hội Cựu Chiến binh	4	222				222	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	2	115				115	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	2	66				66	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		15				15	
	- Kinh phí hoạt động		26				26	
c	Hội Nông dân	3	251				251	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	2	172				172	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	1	33				33	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		23				23	
	- Kinh phí hoạt động		23				23	
d	Hội Liên hiệp Phụ Nữ	5	329				329	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	3	208				208	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	2	59				59	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		27				27	
	- Kinh phí hoạt động	0	35				35	
e	Đoàn Thanh niên	5	270	0	0	0	270	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp công chức	2	108				108	
	- Tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp không chuyên trách	3	92				92	
	- Quỹ thưởng cán bộ công chức		14				14	
	- Kinh phí hoạt động	0	29				29	
	- Kinh phí mục tiêu		27	0	0	0	27	
	+ Chi hỗ trợ cho Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, thị trấn tổ chức sinh hoạt hè hàng năm (5.000 đ/trẻ)		27				27	
6	Chi hoạt động An ninh - Quốc phòng phát sinh		80				80	
7	Dự toán chờ phân bổ (các loại phụ cấp, đóng góp, KCT giao theo dự toán đầu năm 2025, tạm dùng chi chờ ý kiến chỉ đạo)		479				479	
8	Chi khác ngân sách		102				102	
IV	Dự phòng chi		533				533	



**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH BỔ SUNG MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH
CHO NGÂN SÁCH XÃ TUY PHƯỚC BẮC NĂM 2025**

(Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của HĐND xã Tuy Phước Bắc)

Số thứ tự	Danh mục	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó	
			Nguồn vốn trong nước	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu
	Nguồn bổ sung mục tiêu từ thu tiền sử dụng đất	42.501		42.501
1	Trường Mầm non Phước Quang (02T.04P)	1.200	0	1.200
2	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm y tế xã Phước Hiệp	250	0	250
3	Xây dựng mới nhà làm việc Trạm y tế xã Phước Quang	226	0	226
4	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 636	849	0	849
5	Sửa chữa trường lớp học	500	0	500
6	Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ chuyển đổi số các thôn, khu phố	250	0	250
7	Xây dựng cụm linh vật Xuân Ất Tỵ 2025	300	0	300
8	Các quy hoạch khác...	3.172	0	3.172
9	Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đo đạc, thống kê, kiểm kê, cấp giấy Chứng nhận QSD đất, hồ sơ địa chính và các hoạt động đo đạc khác	4326	0	4326
10	Hỗ trợ có mục tiêu cho các xã, thị trấn có tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn để trả nợ các công trình còn nợ sau quyết toán và nợ khối lượng hoàn thành	15248	0	15248
11	Hỗ trợ BTXM Giao thông nông thôn (toàn huyện)	240	0	240
12	Hỗ trợ Kiên cố hóa kênh mương (toàn huyện 20Km)	240	0	240
13	Hỗ trợ các xã, thị trấn trồng cây bóng mát, cây trang trí dọc các tuyến đường giao thông sau khi nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính	1500	0	1500
14	Hệ thống đèn Led trang trí đoạn từ Cổng chào thôn Quảng Nghiệp đến UBND xã.	105	0	105
15	Mở rộng Trường mầm non An Cửu (giai đoạn 2); Hạng mục: Giải phóng mặt bằng, nâng nền, hệ thống thoát nước và Tường rào	280	0	280
16	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyển từ Sân kho cũ xóm 19 đến nhà ông Trương Văn Quang	40	0	40
17	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Biều Chánh đoạn từ cổng chào Biều Chánh đến nhà bà Nguyễn Thị Bờ.	104	0	104
18	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Quảng Nghiệp; Tuyển: Từ đường liên xã (cây xăng Trường Út) đến xóm 4 Quảng Nghiệp	300	0	300
19	Sân thể thao khu Đông xã Phước Hưng; Hạng mục Nâng nền, tường rào cổng ngõ	200	0	200

Thư

Số thứ tự	Danh mục	Tổng số (triệu đồng)	Trong đó	
			Nguồn vốn trong nước	Nguồn tỉnh bổ sung mục tiêu
20	Sửa chữa nhà văn hóa thôn An Cừ	200	0	200
21	Hệ thống điện chiếu sáng giao thông thôn Nho Lâm; Tuyến từ đường liên xã đến đường liên xã đến nhà ông Nguyễn Thành Nhân + Chùa Thiên Lộc.	124	0	124
22	Nâng cấp bia mộ, đài tưởng niệm, nhà bia và sơn sửa tường rào, cổng ngõ, nâng nền nghĩa trang liệt sĩ xã Phước Hưng	400	0	400
23	Cải tạo nhà văn hóa xã Phước Hưng: Hạng mục: GPMB, sửa chữa nhà văn hóa, sân nền, tường rào	400	0	400
24	Nâng cấp, mở rộng giao thông thôn Háo Lễ; Tuyến từ nhà Võ Long Cư đến Cầu 16.	400	0	400
25	Nâng cấp, mở rộng thảm nhựa đoạn đường “từ cuối tràn trên trường THCS, quanh công viên trước UBND xã, lát vỉa hè tuyến đường từ trường THCS xã Phước Hiệp đến nhà Nguyễn Thành Trúc”	222	0	222
26	Sân vận động Phước Hiệp	8.655	0	8.655
27	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ ĐH42 đến giáp đường cầu đội 10 thôn Giang Bắc, xã Phước Hiệp	473	0	473
28	Xây dựng mới nhà văn hóa thôn Giang Bắc	100	0	100
29	Xây dựng mới chợ Lục Lễ, xã Phước Hiệp Hạng mục: Xây dựng ki-ốt chợ	572	0	572
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ trung tâm xã đến Tri Thiện (giáp Tây Đầm)	727	0	727
31	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT636 đến Tân Điền	298	0	298
32	Nâng cấp mở rộng ĐT 636 - Tân Mỹ, Phước Hòa	300	0	300
33	Nâng cấp mở rộng ĐT636- Tổ 3 đội 10 thôn Định Thiện Đông	300	0	300

Chs